TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM BẢNG** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13/7/2022
V/v "Ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Trường Dũng.

+ Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hiền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc "Ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Tổ 33, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Thế S, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Cẩm - Cục C10 - Bộ công an (Đóng tại xã Cẩm Thành, huyện cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa); có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và quá trình xét xử, chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Phạm Thế S kết hôn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký ngày 29/3/2013 tại UBND xã V, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2015 khi chị sinh con thứ hai thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S mắc nghiện ma

túy, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh S không từ bỏ được ma túy nên vợ chồng cãi nhau và sống ly thân. Năm 2020 anh S vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Cẩm - Cục C10 - Bộ công an. Trong thời gian đầu, anh S đi chấp hành án tại trại giam, chị có cho con đến thăm và động viên anh S thì giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở khu phố 3, phường Trảng D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai ở cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị ly hôn với anh S.

Tại bản tự khai của đương sự ngày 04/6/2022, anh Phạm Thế S là bị đơn trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống và thời gian sống ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng đúng như chị H trình bày. Nay chị H xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do anh đang phải chấp hành đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam không thể có mặt tại Tòa án được, anh đề nghị Tòa án cho anh vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Thế S trình bày vợ chồng có hai con chung là cháu Phạm Nguyễn Băng B, sinh ngày 23/12/2013 và cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 05/9/2015. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị H. Khi ly hôn nguyện vọng của chị H và anh S giao cháu B và cháu Quỳnh A cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh S không phải cấp dưỡng cho.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung, riêng, công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp, công nợ: Không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia Tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Thế S. Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Băng B, sinh ngày 23/12/2013 và cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 05/9/2015 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị H. Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi công bố lý do đương sự vắng mặt, tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng, dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Phạm Thế S là bị đơn; địa chỉ: Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Cẩm - Cục C10 - Bộ công an (Đóng tại xã Cẩm Thành, huyện cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Thế S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đây là trường hợp đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Thế S kết hôn tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký ngày 29/3/2013 tại UBND xã V, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn chị H, anh S chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 9 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyễn nhân do anh S mắc nghiện ma túy, chị H đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh S không từ bỏ được ma túy. Năm 2020 anh S vi phạm pháp luật và hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Cẩm - Cục C10 - Bộ công an . Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống, tình cảm của nhau. Qua các tài liệu và lời thừa nhận của các đương sự thì mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn, anh S nhất trí, cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị H, anh S là tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 51; Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Thế S có hai con chung là cháu Phạm Nguyễn Băng B, sinh ngày 23/12/2013 và cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 05/9/2015, các cháu đang ở với chị H. Khi ly hôn nguyện vọng của chị H, anh S giao cả hai con cho chị H trực tiếp trông non, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh S không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị H. Xét thấy sự thoả thuận được về người trực tiếp nuôi con của các đương sự là tự nguyện, có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình được Hội đồng xét xử công nhận.

Về con riêng: Không có.

[4] Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Thế S thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% án phí ly hôn. Chị H xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm (Chị H xin chịu thay cả phần án phí ly hôn sơ thẩm của anh S). Xét thấy, sự tự nguyện của đương sự là phù hợp pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; 238; Điều 271; Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Thế S.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Băng B, sinh ngày 23/12/2013 và cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 05/9/2015 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của chị H.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị H chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 0000082 ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Chị H đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam (để b/c);
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- UBND xã Nhật Tân;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Thị Nguyệt